

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 178 /CV-BHXXH

Cử Chi, ngày 10 tháng 07 năm 2019

V/v phối hợp thực hiện chính sách

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỬ CHI

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cử Chi.

Số: 252
Ngày: 12.7.2019

Căn cứ nội dung phối hợp thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN giữa Bảo hiểm xã hội huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Bảo hiểm xã hội huyện thông tin tình hình thực hiện đến tháng 6/2019 như sau:

1. Tình hình kê khai, trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN đến tháng 6/2019:

- Tính đến tháng 6/2019 hầu hết các đơn vị thực tốt việc trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng theo đúng quy định, tuy nhiên còn 6 đơn vị nợ tiền BHXH từ 1 tháng trở lên là: THCS Phạm Văn Cội, THCS Thị Trấn, TH-THCS Tân Trung, Tiểu học Trung Lập Thượng, Mầm non Phước Hiệp, Mầm non Nhuận Đức (đính kèm danh sách).

- Qua rà soát xác xuất quá trình lương đóng BHXH, tính đến tháng 6/2019 BHXH huyện phát hiện các đơn vị thuộc Phòng Giáo dục quản lý có 82 trường hợp đã quá thời hạn nâng lương, thâm niên nghề, thâm niên vượt khung nhưng đơn vị chưa khai báo, trong đó các trường có số lượng chưa khai báo nhiều hơn 10 người gồm: TH Tân Thạnh Tây, TH An Nhơn Đông, TH Phạm Văn Cội (danh sách tổng hợp đính kèm, danh sách chi tiết gửi qua email).

Kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có ý kiến chỉ đạo các đơn vị tiếp tục chuyển tiền nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN kịp thời đầy đủ hàng tháng theo đúng quy định; chỉ đạo tất cả các trường rà soát nguyên nhân của các trường hợp đến hạn tăng lương chưa khai báo, nếu có sai sót thì kê khai điều chỉnh kịp thời cho cơ quan BHXH huyện trong tháng 7/2019.

2. Về thực hiện BHYT học sinh năm học 2018-2019:

Được sự chỉ đạo quyết liệt của Thường trực huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, tỷ lệ HSSV tham gia BHYT trên địa bàn đã tăng lên đáng kể. Tính đến ngày 30/06/2019 các trường thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý có 56.756 học sinh tham gia BHYT trên 61.328 học sinh đang quản lý, đạt 92.55%, trong đó số học sinh tham gia diện khác là: 5.293 HS. Có 2 trường tỷ lệ tham gia dưới 80%, 17 trường tỷ lệ tham gia từ 80% đến dưới 90%, 38 trường đạt tỷ lệ từ 90% đến dưới 100%, 07 trường đạt tỷ lệ 100% (danh sách đính kèm).

Như vậy tỷ lệ học sinh tham gia BHYT đã tăng nhiều so với đầu năm, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp so với bình quân chung toàn Thành phố.

Hiện nay có một số trường học trên địa bàn từ chối thu tiền BHYT học sinh khi phụ huynh tới đăng ký mua thẻ BHYT với lý do là trường đang nghỉ hè.

Kính đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chỉ đạo các trường tiếp tục tăng cường công tác thu BHYT học sinh kể cả trong thời gian nghỉ hè, phấn đấu đạt tỷ lệ 100% theo chỉ đạo của UBND huyện.

Trên đây là hai nội dung phối hợp thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với các đơn vị trực thuộc, rất mong Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện quan tâm chỉ đạo.

Trân trọng./. *ellu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện Ủy (báo cáo);
- TT UBND huyện (báo cáo);
- Lưu: VT, bp Thu. *g*



Đào Anh Kiệt

BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CÚ CHI

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ CHƯA KHAI BÁO TĂNG LƯƠNG THEO NIÊN HẠN
<Số liệu thống kê ngày 30/06/2019>

Stt	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số người quá hạn chưa khai báo			
			Năng lương	Thâm niên nghề	Thâm niên vượt khung	Cộng
1	SQ0053Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây	0	26	3	29
2	SQ0035Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	6	20	1	27
3	SQ0040Q	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	1	8	1	10
4	SQ0049Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	2	5	0	7
5	SQ0123Q	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Tân Trung	5	0	0	5
6	SQ0086Q	Trường Mầm Non Phước Hiệp	3	1	0	4
		Cộng	17	60	5	82

LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Chính

Ngày 09 tháng 7 năm 2019

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Kiệt

BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CỬ CHI



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HSSV THAM GIA BHYT NĂM HỌC 2018-2019 CÁC ĐƠN VỊ THUỘC PHÒNG GIÁO DỤC QUẢN LÝ

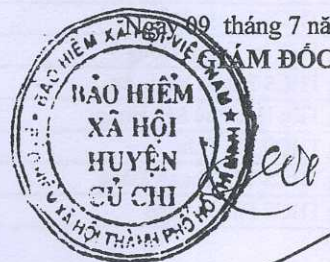
<Số liệu tính đến ngày 7 tháng 6 năm 2019>

Stt	Mã ĐV	Tên đơn vị	Tổng số HSSV quản lý	Số học sinh tham gia tại trường	Số học sinh tham gia diện khác	Tổng học sinh tham gia BHYT	Tỷ lệ	Ghi chú
1	BD0067Q	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Củ Chi	93	22	37	59	63.44%	
2	BD0032Q	Trường THCS Hòa Phú	942	666	57	723	76.75%	
6	BD0076Q	Trường THCS Trung An	823	593	76	669	81.29%	
5	BD0042Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông	1,153	867	101	968	83.95%	
10	BD0051Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	833	656	47	703	84.39%	
9	BD0029Q	Trường THCS Trung Lập Hạ	505	374	53	427	84.55%	
11	BD0026Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2	792	610	63	673	84.97%	
12	BD0062Q	Trường THCS Trung Lập	952	732	87	819	86.03%	
13	BD0037Q	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	426	237	131	368	86.38%	
7	BD0053Q	Trường THCS Phạm Văn Cội	727	509	122	631	86.80%	
14	BD0030Q	Trường Tiểu Học Tân Phú	2,351	1,965	80	2,045	86.98%	
3	BD0041Q	Trường THCS Phú Hòa Đông	1,238	925	155	1,080	87.24%	
15	BD0036Q	Trường Tiểu Học Tân Thông Hội	667	548	36	584	87.56%	
16	BD0017Q	Trường THCS Tân Tiến	943	763	64	827	87.70%	
17	BD0038Q	Trường THCS Nhuận Đức	522	381	78	459	87.93%	
18	BD0015Q	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	1,051	906	23	929	88.39%	
21	BD0009Q	Trường THCS Phước Vĩnh An	1,016	721	184	905	89.07%	
22	BD0022Q	Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng	588	403	121	524	89.12%	
24	BD0052Q	Trường THCS Thị Trấn	814	678	53	731	89.80%	
19	BD0027Q	Trường THCS Tân Thạnh Đông	2,279	1,989	73	2,062	90.48%	
28	BD0072Q	Trường THCS Phước Hiệp	706	533	106	639	90.51%	
4	BD0079Q	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Tân Trung	1,246	1,084	44	1,128	90.53%	
29	BD0065Q	Trường THCS An Phú	561	382	126	508	90.55%	
26	BD0071Q	Trường Tiểu Học An Phú 2	555	396	107	503	90.63%	
8	BD0068Q	Trường Tiểu Học Trung An	1,305	1,127	59	1,186	90.88%	
30	BD0025Q	Trường Tiểu Học An Phước	538	441	48	489	90.89%	
32	BD0033Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	612	532	28	560	91.50%	
34	BD0057Q	Trường THCS Bình Hòa	1,149	976	79	1,055	91.82%	
35	BD0006Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ	809	683	60	743	91.84%	
36	BD0019Q	Trường Tiểu Học Lê Văn Thế	816	682	69	751	92.03%	
33	BD0048Q	Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An	695	539	101	640	92.09%	
20	BD0047Q	Trường THCS Tân Thông Hội	1,294	1,073	123	1,196	92.43%	
37	BD0050Q	Trường Tiểu Học Thái Mỹ	1,098	925	90	1,015	92.44%	
38	BD0024Q	Trường Tiểu Học Phước Thạnh	997	867	55	922	92.48%	
23	BD0066Q	Trường Tiểu Học Hòa Phú	1,363	1,220	44	1,264	92.74%	
27	BD0023Q	Trường Tiểu Học Phước Hiệp	887	742	83	825	93.01%	
25	BD0044Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông 2	1,416	1,286	32	1,318	93.08%	
39	BD0059Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2	314	242	51	293	93.31%	
40	BD0063Q	Trường Tiểu Học Tân Tiến	1,400	1,246	66	1,312	93.71%	
41	BD0004Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Tây	721	623	53	676	93.76%	
42	BD0061Q	Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Lịch	744	641	58	699	93.95%	
43	BD0073Q	Trường Tiểu Học Tân Thông	1,448	1,238	127	1,365	94.27%	
44	BD0075Q	Trường THCS Tân Thạnh Tây	664	556	72	628	94.58%	
45	BD0077Q	Trường THCS Tân An Hội	1,055	915	87	1,002	94.98%	
46	BD0035Q	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	812	681	91	772	95.07%	
47	BD0005Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Thượng	458	413	23	436	95.20%	

Stt	Mã ĐV	Tên đơn vị	Tổng số HSSV quản lý	Số học sinh tham gia tại trường	Số học sinh tham gia diện khác	Tổng học sinh tham gia BHYT	Tỷ lệ	Ghi chú
48	BD0003Q	Trường Tiểu Học Tân Phú Trung	1,780	1,598	99	1,697	95.34%	
31	BD0021Q	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	1,072	887	140	1,027	95.80%	
49	BD0034Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	360	288	58	346	96.11%	
51	BD0008Q	Trường THCS Phước Thạnh	1,106	955	114	1,069	96.65%	
53	BD0074Q	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	99	65	31	96	96.97%	
54	BD0060Q	Trường Tiểu Học An Phú 1	462	398	50	448	96.97%	
52	BD0007Q	Trường THCS An Nhơn Tây	1,100	936	133	1,069	97.18%	
55	BD0020Q	Trường Tiểu Học Tân Thành	1,243	1,044	165	1,209	97.26%	
50	BD0002Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2	1,145	1,070	50	1,120	97.82%	
56	BD0040Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi 2	468	440	18	458	97.86%	
57	BD0011Q	Trường Tiểu Học Lê Thị Pha	606	559	38	597	98.51%	
58	BD0043Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông	1,038	1,011	27	1,038	100.00%	
59	BD0001Q	Trường Tiểu Học Trần Văn Châm	880	783	97	880	100.00%	
60	BD0049Q	Trường THCS Tân Phú Trung	2,589	2,472	117	2,589	100.00%	
61	BD0045Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây	1,054	956	98	1,054	100.00%	
62	BD0039Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi	1,556	1,322	234	1,556	100.00%	
63	BD0031Q	Trường Tiểu Học Liên Minh Công Nông	900	842	58	900	100.00%	
64	BD0058Q	Trường THCS Thị Trấn 2	1,492	1,249	243	1,492	100.00%	
		Cộng	61,328	51,463	5,293	56,756	92.55%	

LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Chính



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Kiệt

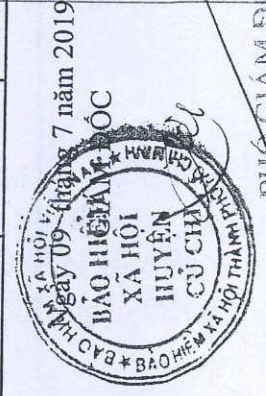
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CÚ CHI

SỐ LIỆU TÍNH ĐẾN NGÀY 30/06/2019

Stt	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số LĐ tham gia BHXH	Tổng quỹ lương	Thừa (-), thiếu (+) tính đến hết ngày 31/05/2019	Số tháng nợ	Ghi chú
1	SQ0020Q	Trường Tiểu Học Tân Phú	54	324,405,420	-3,053,397	0	
2	SQ0021Q	Trường Tiểu Học Tân Phú Trung	67	359,041,170	-15,964	0	
3	SQ0101Q	Trường Mầm Non Tân An Hội 1	25	120,980,310	-37,978,181	0	
4	SQ0033Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ	35	227,915,100	-8,602,467	0	
5	SQ0087Q	Trường Mầm Non Thái Mỹ	33	183,083,000	-954,945	0	
6	SQ0046Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông	45	287,861,230	-600	0	
7	SQ0063Q	Trường THCS An Phú	35	189,811,300	-4,404,922	0	
8	SQ0084Q	Trường Mầm Non Thị Trấn Củ Chi 1	25	133,779,700	-1,245,873	0	
9	SQ0091Q	Trường Mầm Non Hoàng Minh Đạo	24	103,618,940	-16,350,020	0	
10	SQ0036Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Tây	34	235,339,510	-2,256,511	0	
11	SQ0051Q	Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng	36	189,983,450	-6,617,082	0	
12	SQ0032Q	Trường Tiểu Học Lê Văn Thế	48	301,289,300	-18,093,759	0	
13	SQ0029Q	Trường Tiểu Học Phước Thạnh	46	274,656,320	-18,594,620	0	
14	SQ0053Q	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây	45	282,754,770	-40,964,392	0	
15	SQ0096Q	Trường Mầm Non Trung An 1	18	93,227,570	-519	0	
16	SQ0125Q	Trường Mầm Non Tân Thạnh Tây	24	101,692,250	-4,891,187	0	
17	SQ0088Q	Trường Mầm Non Trung Lập Hạ	29	121,891,880	-27,795	0	
18	SQ0049Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	26	159,979,540	-4,374,284	0	
19	SQ0037Q	Trường Tiểu Học An Phú 1	29	161,123,240	-3,600,608	0	
20	SQ0070Q	Trường THCS Phước Hiệp	35	211,584,950	-725,577	0	
21	SQ0057Q	Trường THCS Tân Thông Hội	71	412,827,760	-1,839,335	0	
22	SQ0120Q	Trường THCS Trung An	47	282,521,670	-3,146,015	0	
23	SQ0090Q	Trường Mầm Non An Nhơn Tây	31	150,775,500	-2,035,335	0	
24	SQ0069Q	Trường THCS Phước Vĩnh An	46	309,427,900	-3,527,278	0	
25	SQ0026Q	Trường Tiểu Học Liên Minh Công Nông	35	209,214,040	-492,595	0	
26	SQ0085Q	Trường Mầm Non Thị Trấn Củ Chi 2	56	277,828,990	-2,298,092	0	
27	SQ0080Q	Trường Mầm Non Tân Phú Trung 2	20	108,163,820	-89,302	0	
28	SQ0072Q	Trường THCS Nhuận Đức	37	229,106,750	-484,560	0	
29	SQ0124Q	Trường Mầm Non Tây Bắc	24	107,296,460	-154,587	0	
30	SQ0095Q	Trường Mầm Non Tân Thạnh Đông	52	234,303,380	-19,005,874	0	
31	SQ0024Q	Trường Tiểu Học Tân Thành	49	277,675,430	-2,035,323	0	

Stt	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số LĐ tham gia BHXH	Tổng quỹ lương	Thừa (-), thiếu (+) tính đến hết ngày 31/05/2019	Số tháng nợ	Ghi chú
32	SQ0055Q	Trường Tiểu Học Trần Văn Châm	36	207,633,730	-2,671,271	0	
33	SQ0071Q	Trường THCS Tân Tiến	48	311,832,600	-2,615,499	0	
34	SQ0042Q	Trường Tiểu Học Trung An	47	256,331,290	-883,385	0	
35	SQ0079Q	Trường Mầm Non Tân Phú Trung 1	38	182,553,840	-248,846	0	
36	SQ0082Q	Trường Mầm Non Tân Thông Hội 3	26	122,620,900	-1,704,051	0	
37	SQ0104Q	Trường THCS An Nhơn Tây	53	336,502,320	-5,677,154	0	
38	SQ0028Q	Trường Tiểu Học Phước Hiệp	41	238,853,550	-10,429,372	0	
39	SQ0118Q	Trường Tiểu Học Tân Thông	57	324,416,270	-10,285	0	
40	SQ0027Q	Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Lịch	29	191,022,140	-433,751	0	
41	SQ0076Q	Trường Mầm Non Phạm Văn Cội 1	33	138,065,340	-154,087	0	
42	SQ0048Q	Trường Tiểu Học Hòa Phú	52	267,163,560	-4,635,704	0	
43	SQ0041Q	Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An	31	168,074,210	-141,865	0	
44	SQ0097Q	Trường Mầm Non Hòa Phú	26	100,011,040	-1,498,830	0	
45	SQ0059Q	Trường THCS Thị Trấn 2	79	504,577,340	-3,232,181	0	
46	SQ0040Q	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	51	263,655,200	-407,514	0	
47	SQ0083Q	Trường Mầm Non Tân Thông Hội 4	22	120,941,120	-596,170	0	
48	SQ0092Q	Trường Mầm Non Phạm Văn Cội 2	22	95,117,120	0	0	
49	SQ0056Q	Trường THCS Tân Phú Trung	99	581,626,040	556,470	0.004	
50	SQ0039Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2	25	155,472,890	184,627	0.005	
51	SQ0078Q	Trường Mầm Non An Phú	32	159,315,390	251,984	0.006	
52	SQ0045Q	Trường Tiểu Học Tân Thành Đông 3	41	217,442,840	430,667	0.008	
53	SQ0103Q	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục huyện Củ Chi	15	107,295,490	254,860	0.01	
54	SQ0060Q	Trường THCS Phước Thạnh	52	342,831,380	956,638	0.011	
55	SQ0112Q	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	26	151,085,230	480,603	0.012	
56	SQ0117Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi 2	24	161,191,890	500,979	0.012	
57	SQ0025Q	Trường Tiểu Học Lê Thị Pha	28	158,429,420	587,248	0.015	
58	SQ0113Q	Trường THCS Hòa Phú	50	283,836,190	1,035,158	0.015	
59	SQ0050Q	Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2	42	254,209,250	1,000,512	0.016	
60	SQ0102Q	Trường Mầm Non Tân An Hội 2	14	67,003,560	329,781	0.019	
61	SQ0023Q	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi	60	372,419,350	1,724,128	0.019	
62	SQ0098Q	Trường Mầm Non Bình Mỹ	21	103,068,500	504,973	0.02	
63	SQ0074Q	Trường Mầm Non Thị Trấn Củ Chi 3	39	251,766,920	1,377,377	0.022	
64	SQ0119Q	Trường THCS Tân Thành Tây	41	271,948,210	1,844,673	0.027	
65	SQ0052Q	Trường Tiểu Học An Phước	26	179,142,080	1,205,369	0.027	
66	SQ0064Q	Trường THCS Phú Hòa Đông	75	475,810,050	3,501,201	0.029	
67	SQ0038Q	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	21	119,756,420	1,007,065	0.033	
68	SO0093O	Trường Mầm Non Phú Hòa Đông	42	203,401,450	7,030,301	0.030	

Số TT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Số LĐ tham gia BHXH	Tổng quỹ lương	Thừa (-), thiếu (+) tính đến hết ngày 31/05/2019	Số tháng nợ	Ghi chú
69	SQ0043Q	Trường Tiểu Học Tân Thanh Đông	49	302,400,190	2,963,592	0.039	
70	SQ0081Q	Trường Mầm Non Tân Thông Hội 2	46	211,024,200	2,248,300	0.042	
71	SQ0030Q	Trường Tiểu Học Thái Mỹ	51	328,569,170	3,532,051	0.043	
72	SQ0106Q	Trường Tiểu Học An Phú 2	34	197,081,700	2,186,112	0.043	
73	SQ0061Q	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	47	281,695,520	3,180,225	0.044	
74	SQ0073Q	Trường THCS Trung Lập Hạ	37	189,008,030	2,137,264	0.045	
75	SQ0100Q	Trường Mầm Non Trung Lập Thượng	30	150,067,180	2,073,465	0.054	
76	SQ0067Q	Trường THCS Tân Thanh Đông	112	664,785,700	12,412,992	0.07	
77	SQ0077Q	Trường Mầm Non Trung An 2	38	196,187,690	3,804,547	0.071	
78	SQ0044Q	Trường Tiểu Học Tân Thanh Đông 2	48	272,737,730	5,630,225	0.078	
79	SQ0047Q	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2	35	163,103,170	3,505,680	0.08	
80	SQ0035Q	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	42	243,705,260	5,100,434	0.08	
81	SQ0062Q	Trường THCS Trung Lập	60	402,644,080	8,490,421	0.084	
82	SQ0099Q	Trường Mầm Non Phước Thạnh	41	183,330,700	4,181,904	0.091	
83	SQ0018Q	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật Huyện Củ Chi	16	105,436,770	3,634,215	0.133	
84	SQ0121Q	Trường THCS Tân An Hội	48	295,101,170	13,740,301	0.186	
85	SQ0022Q	Trường Tiểu Học Tân Thông Hội	29	168,547,080	8,265,044	0.198	
86	SQ0075Q	Trường Mầm Non Tân Thông Hội 1	31	134,523,080	7,167,088	0.213	
87	SQ0054Q	Trường Tiểu Học Tân Tiến	50	330,667,500	34,493,797	0.32	
88	SQ0094Q	Trường Mầm Non Phước Vĩnh An	24	101,692,940	22,190,508	0.571	
89	SQ0068Q	Trường THCS Bình Hòa	58	356,361,690	89,769,212	0.624	
90	SQ0065Q	Trường THCS Phạm Văn Cội	42	267,900,810	78,990,583	1	Nợ trên 1 tháng
91	SQ0058Q	Trường Trung học cơ sở Thị Trấn	42	252,514,350	78,592,711	1.018	Nợ trên 1 tháng
92	SQ0123Q	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Tân Trung	52	235,742,150	79,228,967	1.036	Nợ trên 1 tháng
93	SQ0034Q	Trường Tiểu Học Trung Lập Thượng	31	215,690,800	71,799,974	1.054	Nợ trên 1 tháng
94	SQ0086Q	Trường Mầm Non Phước Hiệp	19	97,007,250	34,900,676	1.163	Nợ trên 1 tháng
95	SQ0089Q	Trường Mầm Non Nhuận Đức	32	159,492,160	58,610,756	1.192	Nợ trên 1 tháng
		Cộng	3,789	21,616,602,840	419,403,694		



LẬP BIỂU

(Signature)

NGUYỄN VĂN CHÍNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Kiệt